

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC NHÂN TỐ ĐẾN PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI TỈNH THANH HÓA

Trịnh Thị Thùy¹

TÓM TẮT

Trong những năm gần đây, du lịch là một trong những ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững nhất trên thế giới và hiện ngành du lịch đang là một trong những ngành dịch vụ trọng yếu (Bansal và Eiselt 2004). Theo định hướng phát triển du lịch của Việt Nam và tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 tầm nhìn 2030 thì mục tiêu phát triển du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và phát triển luôn bền vững. Để du lịch của tỉnh Thanh Hóa phát triển bền vững đúng với định hướng phát triển của tỉnh thì việc xem xét những nhân tố chính nào ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững, đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đó đến phát triển du lịch bền vững để từ đó tìm ra hướng đi phù hợp là việc làm rất cần thiết.

Từ khóa: Du lịch, phát triển du lịch bền vững, Thanh Hóa.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước đã xác định du lịch có vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế quốc dân: du lịch đã tác động tích cực vào việc làm tăng thu nhập quốc dân, đóng góp vai trò to lớn trong việc cân bằng cán cân thanh toán quốc tế; du lịch góp phần tạo nhiều việc làm ở địa phương, khôi phục và phát triển các lễ hội, làng nghề truyền thống. Thanh Hóa là tỉnh có tiềm năng lớn về du lịch, là một trọng điểm du lịch quốc gia, với hàng nghìn di tích lịch sử gắn với quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Với các danh lam thắng cảnh kỳ thú như bãi biển Sầm Sơn, khu nghỉ mát Hải Tiến (Hoàng Hoá), Hải Hoà (Tĩnh Gia), vườn quốc gia Bến En (Nhu Thanh), động Từ Thức (Nga Sơn), suối cá “thần” Cẩm Lương (Cẩm Thủy), sân chim Tiến Nông (Triệu Sơn)... với thế mạnh như trên thì phát triển du lịch càng có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo ra nhiều việc làm cho lao động địa phương. Để hoạt động du lịch phát triển bền vững theo đúng mục tiêu của Nhà nước đề ra thì việc tìm ra các nhân tố ảnh hưởng cũng như mức độ ảnh hưởng có ý nghĩa rất quan trọng đến việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa. Để đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến phát triển du lịch bền vững tại tỉnh Thanh Hóa, tác giả sử dụng mô hình lý thuyết dựa trên phương pháp SERVQUAL, từ đó tìm ra nhân tố nào ảnh hưởng nhiều nhất đến việc phát triển du lịch bền vững để có những đề xuất phù hợp.

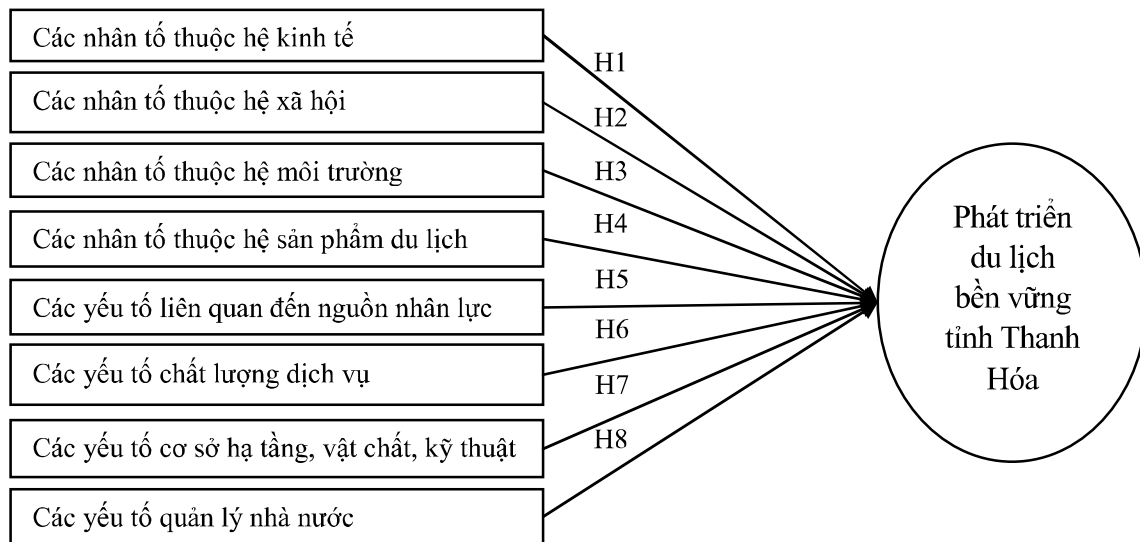
2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Vận dụng mô hình SERVQUAL, kế thừa từ những nghiên cứu trước đây, đặc biệt là nghiên cứu của Vũ Văn Đông (2014) và căn cứ vào những đặc điểm riêng về du lịch tỉnh Thanh Hóa, tác giả đã lựa chọn được 8 nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững tại tỉnh Thanh Hóa như: Các nhân tố thuộc hệ kinh tế; Các nhân tố thuộc hệ xã hội; Các nhân tố thuộc

¹ Khoa Kinh tế - Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Hồng Đức

hệ môi trường; Các yếu tố sản phẩm du lịch; Các yếu tố liên quan đến nguồn nhân lực; Các yếu tố chất lượng dịch vụ; Các yếu tố cơ sở hạ tầng, vật chất, kỹ thuật; Các yếu tố quản lý nhà nước.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến phát triển du lịch bền vững tỉnh Thanh Hóa

(1) *Nhân tố thuộc hệ kinh tế (KT)*: Nhân tố thuộc hệ kinh tế bao gồm rất nhiều yếu tố như tăng trưởng kinh tế, mức độ đầu tư cho du lịch, chính sách phát triển du lịch... những yếu tố này là những yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững.

(2) *Nhân tố thuộc hệ xã hội (XH)*: bao gồm các yếu tố như tệ nạn xã hội, mức độ đi ăn xin, mức độ an toàn, mức độ bán hàng rong... các yếu tố xã hội này sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến hình ảnh du lịch của địa phương.

(3) *Nhân tố thuộc hệ môi trường (MT)*: bao gồm các yếu tố như bảo vệ tài nguyên môi trường của người dân địa phương, mức độ ô nhiễm môi trường, mức độ sạt lở núi, bờ biển, mức độ quá tải của các điểm đến, khu du lịch...

(4) *Nhân tố thuộc hệ sản phẩm du lịch (SP)*: bao gồm nhiều loại như đặc sản đặc trưng của địa phương, du lịch theo tour, du lịch tham quan, du lịch sinh thái,...

(5) *Nhân tố liên quan đến nguồn nhân lực (NNL)*: Hoạt động du lịch không thể thiếu được yếu tố con người, muốn hoạt động du lịch phát triển bền vững thì nguồn nhân lực không những đáp ứng được yêu cầu về số lượng mà cả các nhu cầu về chất lượng.

(6) *Nhân tố thuộc chất lượng dịch vụ (CLDV)*: bao gồm như tổ chức xúc tiến, quảng bá du lịch. Các nhân tố thuộc chất lượng dịch vụ sẽ giúp hình ảnh du lịch có thể đến được với khách du lịch, du khách sẽ tiếp cận được thông tin du lịch dễ dàng hơn, có như vậy thì hoạt động du lịch mới phát triển bền vững.

(7) *Các yếu tố cơ sở hạ tầng, vật chất, kỹ thuật (VCKT)*: bao gồm hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, hệ thống cấp nước... các yếu tố thuộc hệ này sẽ giúp cho thời gian đến điểm du lịch được nhanh chóng, thuận tiện hơn.

(8) *Nhân tố liên quan đến quản lý nhà nước (QLNN)*: Hoạt động du lịch sẽ phát sinh rất nhiều vấn đề như an ninh trật tự, giá cả chặt chém, vệ sinh môi trường không được đảm bảo...

Biến phụ thuộc phát triển du lịch bền vững (Y): Để phát triển du lịch bền vững thì các khu du lịch cần được đảm bảo về mặt bảo vệ, cường độ sử dụng, tác động xã hội, quản

lý chất thải... Tác giả tiến hành xây dựng bảng hỏi và thực hiện phỏng vấn bằng phương pháp phỏng vấn ngẫu nhiên thuận tiện đối với khách du lịch ở tỉnh Thanh Hóa. Kích thước mẫu được xác định dựa trên cơ sở tiêu chuẩn 5:1 của Bollen (1998) và Hair & ctg (1998), tức là để đảm bảo phân tích dữ liệu (phân tích nhân tố khám phá EFA) tốt thì cần ít nhất 5 mẫu quan sát cho 1 biến đo lường, vậy với 36 biến đo lường (36 mục hỏi) được sử dụng trong bài viết, cần tối thiểu $36 \times 5 = 180$ mẫu, đồng thời số mẫu không nên dưới 100. Ở đây tác giả sử dụng 320 mẫu quan sát để đảm bảo tính thích hợp cho phân tích nhân tố. Để xác định các nhóm nhân tố chính tác động đến phát triển du lịch bền vững, tác giả sử dụng phương pháp phân tích nhân tố EFA (Factor Analysis). Việc sử dụng phương pháp này phù hợp với mục đích nhằm loại bỏ yếu tố ít có tác động lên phát triển du lịch bền vững, hơn nữa giúp tìm ra điểm chung giữa các nhóm nhân tố, từ đó thuận lợi hơn cho việc phân tích. Tác giả nghiên cứu cũng sử dụng mô hình hồi quy đa biến với các biến độc lập là các nhân tố chính tác động đến biến phụ thuộc là phát triển du lịch bền vững tại tỉnh Thanh Hóa. Các thông tin điều tra được lượng hóa thông qua việc sử dụng thang đo Likert 5 mức độ từ thấp đến cao: 1 (rất không ảnh hưởng) đến 5 (rất ảnh hưởng) và được xử lý trên phần mềm SPSS 22.0.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Để có thể thực hiện hồi quy mô hình đa biến đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến phát triển du lịch bền vững tại tỉnh Thanh Hóa, trước hết tác giả đánh giá độ tin cậy của thang đo thông qua kiểm định hệ số Cronbach's Alpha. Hệ số Cronbach's Alpha là một phép kiểm định thống kê về mức độ chặt chẽ mà các mục hỏi trong thang đo tương quan với nhau. Nhiều nhà nghiên cứu đồng ý rằng khi Cronbach's Alpha từ 0,8 trở lên đến gần 1 thì thang đo lường là tốt; từ 0,7 đến 0,8 là sử dụng được. Đối với các trường hợp khái niệm thang đo lường là mới hoặc mới đối với người trả lời thì Cronbach's Alpha từ 0,6 trở lên là có thể sử dụng được. Đồng thời hệ số Cronbach's Alpha của biến tổng phải lớn hơn hệ số Cronbach's Alpha if Item Deleted của các biến trong nhóm. Kết quả xử lý số liệu điều tra trên phần mềm SPSS như sau:

Bảng 1. Kết quả kiểm định hệ số Cronbach's Alpha

STT	Biên	Cronbach's Alpha
1	KT	0.718
2	XH	0.735
3	MT	0.866
4	SP	0.741
5	NNL	0.794
6	CLDV	0.528
7	VCKT	0.736
8	QLNN	0.788
9	Y	0.725

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu SPSS)

Nhận xét: Nhìn chung, các thang đo trên đều có hệ số Cronbach's Alpha khá cao (>0.7) trừ thang đo *Các yếu tố chất lượng dịch vụ* có Cronbach's Alpha = 0,525 < 0.7 nên thang đo *Các yếu tố chất lượng dịch vụ* bị loại. Còn tất cả các biến quan sát còn lại của thang đo này đều có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0.3 do đó chúng đều được sử

dụng cho phân tích EFA tiếp theo. Kết quả sau khi phân tích hệ số Cronbach's Alpha và loại bỏ 1 thang đo Các yếu tố chất lượng dịch vụ không đảm bảo độ tin cậy, thang đo Phát triển du lịch bền vững tỉnh Thanh Hóa được đo lường bằng 31 biến quan sát cho 7 thành phần (so với ban đầu là 36 biến quan sát cho 8 thành phần cấu thành đến biến Phát triển du lịch bền vững tỉnh Thanh Hóa). Do đó có tất cả 31 thang đo sau khi kiểm tra độ tin cậy Cronbach's Alpha sẽ được đưa vào phân tích nhân tố khám phá EFA.

2.2.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Ngoài việc cần đảm bảo kích thước mẫu điều tra đủ lớn, kỹ thuật phân tích nhân tố chỉ có hiệu quả khi các biến quan sát có sự tương quan với nhau. Để biết được điều đó cần phải tiến hành kiểm định KMO và Bartlett. Kiểm định của Bartlett được sử dụng với giả thiết H_0 là các biến hoàn toàn không có sự tương quan nào (Bartlett's Test of Sphericity), còn kiểm định Kaiser-Meyer-Olkin (KMO) là để xác định mức độ phù hợp của việc sử dụng phân tích nhân tố. Tiêu chuẩn chấp nhận được là trị số KMO phải đủ lớn (trong khoảng giữa 0,5 và 1), nếu trị số này nhỏ hơn 0,5 thì phân tích nhân tố có khả năng không thích hợp với dữ liệu:

Kiểm định phân tích nhân tố khám phá đối với các biến thuộc biến độc lập

Bảng 2. Kiểm định sự tương quan của các biến độc lập

<i>KMO and Bartlett's Test</i>		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.	.660	
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	1347.380
	Df	378
	Sig.	.000

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu trên phần mềm SPSS 22.0)

Bảng trên cho thấy hệ số KMO = 0,660 (nằm trong khoảng 0,5 - 1), đồng thời kiểm định Bartlett cho kết quả sig. (hay p-value) = 0.000 < 0,05, như vậy có thể khẳng định các biến đều có sự tương quan với nhau, nghĩa là kỹ thuật phân tích nhân tố là phù hợp để phân tích đánh giá của khách hàng về các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững.

Phương pháp phân tích nhân tố giúp chúng ta rút gọn số lượng lớn các biến (31 biến) thành một nhóm các nhân tố chính tác động lên Phát triển du lịch bền vững tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên để có thể quyết định số lượng bao nhiêu nhân tố sẽ được rút ra, ta cần xem xét hệ số Eigenvalues hay latent roots. Hệ số Eigenvalue của một nhân tố cho biết nhân tố đó có thể giải thích được bao nhiêu trong tổng phương sai của tất cả các biến quan sát. Do đó để một nhân tố được rút ra thì nhân tố đó phải giải thích được ít nhất cho sự biến thiên của một biến hay hệ số Eigenvalue của một nhân tố bất kì phải lớn hơn 1 mới có thể được chọn .

Bảng 3. Hệ số Eigenvalues

Nhóm nhân tố	Các giá trị đặc trưng ban đầu		
	Tổng	% của biến động	% tích lũy
1	3.587	12.812	12.812
2	3.281	11.719	24.531
3	2.452	8.758	33.289
4	2.172	7.758	41.047
5	1.854	6.620	47.667
6	1.718	6.137	53.803
7	1.487	5.310	59.113

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu trên phần mềm SPSS 22.0)

Bảng trên thể hiện 7 nhóm nhân tố đều có trị số Eigenvalues lớn hơn 1. Các nhân tố được sắp xếp theo thứ tự giảm dần trong tỷ lệ giải thích cho sự biến thiên của tổng thể các biến quan sát. Trong đó nhân tố 1 giải thích cho 12,81% tổng giá trị phương sai (nhiều nhất), còn nhân tố 7 giải thích cho 5,310 % tổng giá trị này (ít nhất). Nhóm 7 nhân tố này có thể giải thích cho tổng cộng 59,113% tổng phương sai của tất cả 31 biến, thỏa mãn tiêu chí nhóm các nhân tố được rút ra phải giải thích cho ít nhất 50% tổng phương sai của tổng thể biến quan sát.

Kết quả phân tích nhân tố đối với các biến độc lập về các yếu tố ảnh hưởng đến Phát triển du lịch bền vững tỉnh Thanh Hóa được thể hiện ở bảng 3. Qua đó, chúng ta thấy hệ số tương quan nhân tố có được từ phương pháp xoay trục tọa độ Varimax đối với các mục hỏi:

Căn cứ để xác định mỗi biến đo lường sẽ thuộc về nhóm nhân tố nào là dựa vào hệ số tải nhân tố Factor loading (EFA), tiêu chuẩn chấp nhận mối quan hệ tương quan giữa các biến trong nhóm là hệ số EFA > 0,5. Kết quả trong bảng cho thấy 31 biến độc lập đều có hệ số EFA > 0,6 và được chia thành 7 nhóm nhân tố.

Các nhân tố mới (X_1 đến X_7) được tạo bằng cách lấy trung bình của các nhân tố nằm trong các nhân tố mới đó và được sử dụng cho phân tích hồi quy đa biến.

Kiểm định phân tích nhân tố đối với các biến thuộc biến phụ thuộc

Bảng 4. Kiểm định tương quan giữa các biến thuộc biến phụ thuộc

<i>KMO and Bartlett's Test</i>		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		0,662
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	100,009
	Df	3
	Sig.	000

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu trên phần mềm SPSS 22.0)

Bảng 4 cho thấy hệ số KMO = 0,662 (nằm trong khoảng 0,5 - 1), đồng thời kiểm định Bartlett cho kết quả Sig. (hay p-value) = 0.000 < 0,05, như vậy có thể khẳng định các biến thuộc biến phụ thuộc đều có sự tương quan với nhau, có thể dùng trong phân tích nhân tố.

Bảng 5. Phân tích nhân tố khám phá - phương sai trích các biến thuộc biến phụ thuộc

<i>Total Variance Explained</i>						
Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	1.941	64.702	64.702	1.941	64.702	64.702
2	.617	20.572	85.274			
3	.442	14.726	100.000			
Extraction Method: Principal Component Analysis.						

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu trên phần mềm SPSS 22.0)

Biến tổng có hệ số Eigenvalues lớn hơn 1, đồng thời tổng phương sai trích = 64,702% (> 50%) cho thấy 64,702% sự biến thiên của dữ liệu được giải thích bởi 1 nhân tố.

2.2.3. Kiểm định tương quan giữa các biến trong mô hình (kiểm định hệ số Pearson)

Trước khi tiến hành phân tích hồi quy tuyến tính bội, cần xem xét mối tương quan tuyến tính giữa các biến với biến phụ thuộc thông qua kiểm định hệ số tương quan Pearson. Nếu hệ số Pearson > 0,3 nghĩa là giữa hai biến có tương quan với nhau. Ma trận hệ số tương quan cho thấy hệ số Pearson > 0,3, đồng thời kiểm định hệ số Pearson cho giá trị Sig. (2-tailed) = 0,00, điều này thể hiện các biến độc lập có tương quan với biến phụ thuộc.

Bảng 6. Kiểm định hệ số tương quan giữa các biến

		<i>Correlations</i>							
		Y	VCKT	QLNN	MT	XH	KT	SP	NNL
Pearson Correlation	Y	1.000	.516	.542	.620	.546	.585	.505	.564
	VCKT	.516	1.000	.397	.399	.275	.412	.337	.540
	QLNN	.542	.397	1.000	.386	.415	.383	.473	.482
	MT	.620	.399	.386	1.000	.529	.525	.322	.546
	XH	.546	.275	.415	.529	1.000	.332	.375	.375
	KT	.585	.412	.383	.525	.332	1.000	.300	.507
	SP	.505	.337	.473	.322	.375	.300	1.000	.272
	NNL	.564	.540	.482	.546	.375	.507	.272	1.000

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu trên phần mềm SPSS 22.0)

Có thể thấy hệ số tương quan Pearson Correlation giữa các biến độc lập với biến phụ thuộc đều rất cao (>0,7) và mang dấu dương, đồng thời các giá trị Sig. (1-tailed) đều bằng 0<0,05, cho thấy các biến có tương quan thuận với biến phụ thuộc và có ý nghĩa thống kê.

2.2.4. Xây dựng mô hình hồi quy và kiểm định sự phù hợp của mô hình

Để đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến Phát triển du lịch bền vững tỉnh Thanh Hóa, tác giả sử dụng mô hình hồi quy đa biến. Trong mô hình, biến độc lập gồm 7 nhân tố (Các nhân tố thuộc hệ kinh tế; Các nhân tố thuộc hệ xã hội; Các nhân tố thuộc hệ môi trường; Các yếu tố sản phẩm du lịch; Các yếu tố liên quan đến nguồn nhân lực; Các yếu tố quản lý nhà nước; Các yếu tố cơ sở hạ tầng, vật chất, kỹ thuật) còn biến phụ thuộc là Phát triển du lịch bền vững tỉnh Thanh Hóa.

Mô hình hồi quy có dạng sau: $Y = \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \beta_6 X_6 + \beta_7 X_7$

Trong đó: Y : Phát triển du lịch bền vững tại tỉnh Thanh Hóa; X₁: Các nhân tố thuộc hệ kinh tế; X₂: Các nhân tố thuộc hệ xã hội; X₃: Các nhân tố thuộc hệ môi trường; X₄: Các yếu tố sản phẩm du lịch; X₅: Các yếu tố liên quan đến nguồn nhân lực; X₆: Các yếu tố quản lý nhà nước; X₇: Các yếu tố cơ sở hạ tầng, vật chất, kỹ thuật.

Phương pháp được sử dụng trong hồi quy đa biến là phương pháp chọn biến Stepwise (đưa từng biến vào mô hình để đánh giá mức độ tác động của từng nhân tố đến biến phụ thuộc, đồng thời có thể đánh giá được mức độ tác động của các biến còn lại khi chưa đưa một biến độc lập nào đó vào mô hình). Với phương pháp trên cho thấy biến đưa vào đầu tiên (Các nhân tố thuộc hệ kinh tế) là biến tương quan mạnh nhất với biến phụ thuộc Y (Phát triển du lịch bền vững), tiếp đến là biến (Các nhân tố thuộc hệ môi trường)..., cuối cùng là biến (Các yếu tố liên quan đến nguồn nhân lực) có tương quan yếu nhất với biến phụ thuộc Y.

Kết quả hồi quy mô hình đa biến cho R Square = 0,629 và R² hiệu chỉnh = 0,612 nghĩa là mô hình hồi quy xây dựng là phù hợp với dữ liệu, 61,2% sự biến động của biến phụ thuộc được giải thích bởi 7 nhóm nhân tố. Hệ số Durbin - Watson = 2,174 (nằm trong khoảng từ 1 - 3) cho thấy không có hiện tượng tự tương quan trong mô hình.

Bảng dưới cho thấy các hệ số hồi quy trong mô hình đều có ý nghĩa thống kê do kết quả kiểm định T cho Sig. < 0,05. Đồng thời các hệ số này đều mang dấu dương, như vậy các biến độc lập đều có ảnh hưởng thuận chiều đến biến phụ thuộc là phát triển du lịch bền vững. Hệ số phóng đại phương sai VIF < 10 cho thấy các biến độc lập không có quan hệ chặt chẽ với nhau, nên không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra trong mô hình.

Bảng 7. Hệ số hồi quy trong mô hình

		<i>Coefficients^a</i>						
Model		Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	T	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	.519	.239		2.169	.002		
	VCKT	.144	.064	.137	2.227	.003	.647	1.546
	QLNN	.124	.063	.124	2.052	.003	.608	1.644
	MT	.207	.070	.201	2.944	.004	.523	1.913
	XH	.178	.062	.176	2.869	.004	.648	1.544
	KT	.237	.069	.213	3.425	.001	.629	1.590
	SP	.193	.063	.179	3.050	.003	.709	1.411
	NNL	.092	.065	.098	1.920	.001	.513	1.950

a. Dependent Variable: Y

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu trên phần mềm SPSS 22.0)

Từ kết quả trong bảng 7 ta có mô hình hồi quy có dạng sau:

$$Y = 0,213 \text{ KT} + 0,201 \text{ MT} + 0,179 \text{ SP} + 0,176 \text{ XH} + 0,137 \text{ VCKT} + 0,124 \text{ QLNN} + 0,098 \text{ NNL}$$

Theo Lassar và ctg thì hệ số Beta nào lớn thì càng có ảnh hưởng nhiều đến vấn đề nghiên cứu. Mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến phát triển du lịch bền vững như sau: Các nhân tố thuộc hệ kinh tế được đánh giá là có tác động nhiều nhất đến phát triển du lịch bền vững tỉnh Thanh Hóa (Beta = 0,213). Các nhân tố thuộc hệ môi trường được coi là nhân tố có mức độ ảnh hưởng quan trọng thứ 2 đến Phát triển du lịch bền vững tỉnh Thanh Hóa (Beta = 0,201). Các yếu tố sản phẩm du lịch là yếu tố quan trọng thứ 3 có ảnh hưởng đến Phát triển du lịch bền vững tỉnh Thanh Hóa (Beta = 0,179). Các nhân tố thuộc hệ xã hội là nhân tố quan trọng thứ 4 ảnh hưởng đến Phát triển du lịch bền vững tỉnh Thanh Hóa (Beta = 0,176). Các yếu tố cơ sở hạ tầng, vật chất, kỹ thuật được coi là nhân tố quan trọng thứ 5 tác động đến Phát triển du lịch bền vững tỉnh Thanh Hóa (Beta = 0,137). Các yếu tố Quản lý nhà nước là yếu tố có ảnh hưởng thứ 6 đến Phát triển du lịch bền vững tỉnh Thanh Hóa (Beta= 0,124). Và cuối cùng là các yếu tố liên quan đến nguồn nhân lực là yếu tố có ảnh hưởng ít nhất đến Phát triển du lịch bền vững tỉnh Thanh Hóa (Beta = 0,098).

3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu ở trên đã xác định được 7 nhân tố chính ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững tại tỉnh Thanh Hóa: Các nhân tố thuộc hệ kinh tế; Các nhân tố thuộc hệ xã hội; Các nhân tố thuộc hệ môi trường; Các yếu tố sản phẩm du lịch; Các yếu tố cơ sở hạ tầng, vật chất, kỹ thuật; Các yếu tố quản lý nhà nước; Các yếu tố liên quan đến nguồn nhân lực. Vì vậy, để du lịch tỉnh Thanh Hóa phát triển bền vững tác giả đề xuất một số kiến nghị sau:

Thứ nhất, để phát triển du lịch ngày càng bền vững thì chính quyền địa phương cần có những chính sách quy hoạch phát triển du lịch hợp lý, đồng bộ, đồng thời cần có các văn bản chỉ đạo nhằm tăng cường sự quản lý hoạt động bảo vệ môi trường, hạn chế các vụ vi phạm về môi trường, an ninh, trật tự an toàn xã hội trong khu du lịch nhằm định hướng hoạt động của doanh nghiệp và cá nhân có ý thức bảo vệ môi trường.

Thứ hai, để có được các sản phẩm du lịch hấp dẫn, rất cần sự quan tâm chỉ đạo của chính quyền địa phương nhằm định hướng phát triển sản phẩm du lịch. Đối với địa bàn có sản phẩm du lịch nổi trội cần có chính sách giữ gìn, bảo vệ và phát huy nhằm khai thác tối đa thế mạnh của sản phẩm du lịch.

Thứ ba, để các yếu tố cơ sở hạ tầng, vật chất, kỹ thuật ngày càng phát triển thì chính quyền địa phương cần có các chính sách thu hút đầu tư hấp dẫn, có chính sách ưu tiên về đất xây dựng đối với các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch nhằm thu hút được nhiều dự án đầu tư có giá trị về du lịch cho tỉnh Thanh Hóa.

Thứ tư, để nguồn nhân lực du lịch ngày càng phát triển không những về số lượng mà còn cả về chất lượng thì nhà nước cần có chính sách khuyến khích, hỗ trợ công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của doanh nghiệp, hướng các doanh nghiệp cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đơn vị mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Chính trị (1998), *Chỉ thị số 36/1998/CT-TW Về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, ban hành 25/6/1998.
- [2] Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2011), *Quyết định số 2473/QĐ-TTg Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030*, ban hành 30/12/2011.
- [3] Vũ Văn Đông (2014), *Phát triển du lịch bền vững Bà Rịa - Vũng Tàu*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu.
- [4] Joseph F.Hair, William C.Blachk, Barry J.Babin, Rolph E. Anderson (1998), *Multivariate Data Analysis*, Prentice-Hall International, Inc.
- [5] Lassar WM, Manolis C & Winsor RD (2000), *Service quality perspectives and satisfaction in private banking*, International Journal of Bank Marketing, 14(3): 244.
- [6] Parasuraman, A., Zeithaml, V.A. and Berry, L.L. (1988), *Servqual: a multiple item scale for measuring customer perceptions of service quality*, Journal of Retailing, vol. 64, pp.12-40.

EVALUATION OF THE INFLUENTIAL FACTORS TO SUSTAINABLE TOURISM DEVELOPMENT IN THANH HOA PROVINCE

Trinh Thi Thuy

ABSTRACT

In recent years, tourism has been one of the fastest growing and most sustainable industries in the world and tourism is now one of the key service industries (Bansal and Eiselt 2004). According to the tourism development orientation of Vietnam and Thanh Hoa province until 2020 with a vision to 2030, the tourism development objective will basically become a key economic sector and always develop sustainably. For the tourism of Thanh Hoa province to develop sustainably in accordance with the development orientation of the province, considering the main factors affecting the sustainable tourism development, assessing the influence of those factors on sustainable tourism development from which to find the right direction is essential.

Keywords: *Travel, sustainable tourism development, Thanh Hoa.*

* Ngày nộp bài: 6/9/2019; Ngày gửi phản biện: 2/10/2019; Ngày duyệt đăng: 4/3/2020

* Bài báo này là kết quả nghiên cứu từ đề tài cấp cơ sở mã số ĐT-2018-29 của Trường Đại học Hồng Đức